

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 277/2026/DS-PT
Ngày: 27-3-2026
V/v tranh chấp về hợp đồng dân
sự- vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Kim Xuân;

Các Thẩm phán:

Ông Đinh Chí Tâm;

Ông Trần Hữu Tính.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Dạm - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 641/2025/TLPT- DS, ngày 03 tháng 11 năm 2025, về việc “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự - vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 16-7-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 658/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 11 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 601/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2025; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 641/TB-TA ngày 22 tháng 12 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 116/2026/QĐ-PT ngày 21 tháng 01 năm 2026; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 247/TB-TA ngày 03 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 381/2026/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2026; Thông báo về việc mở lại phiên tòa phúc thẩm số 380/TB-TA ngày 16 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Bé B, sinh năm 1961;

Địa chỉ: Ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp. (Địa chỉ cũ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.)

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Võ Thị Bé B: Anh Huỳnh Thanh N, sinh năm 1995; Địa chỉ: Số A ấp T, xã V, tỉnh An Giang (Địa chỉ cũ: xã V, huyện T, tỉnh An Giang). Hợp đồng uỷ quyền ngày 13/12/2024.

2. Bị đơn: Chị Trương Trần Lệ C, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, tỉnh Đồng Tháp. (Địa chỉ cũ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.)

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Trương Trần Lệ C: Bà Võ Thị H, sinh năm 1974; Địa chỉ: Tổ B, ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp. (Địa chỉ cũ: Tổ B, ấp M, xã M, tỉnh Đồng Tháp). Văn bản ủy quyền ngày 25/02/2026.

3. Người kháng cáo: Chị Trương Trần Lệ C là bị đơn trong vụ án.

(Bà H có mặt tại phiên tòa. Anh N vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt.))

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị Bé B, có người đại diện theo ủy quyền là anh Huỳnh Thanh N trình bày:

Chị Trương Trần Lệ C là cháu chồng của bà Võ Thị Bé B, chồng bà B tên Tư Đ nên chị C kêu bà B là Mẹ Tư Đ. Ngày 20 tháng Chạp năm 2021, chị C có viết biên nhận thừa nhận có mượn của bà B số tiền là 80.000.000 đồng (T mươi triệu đồng), nói mượn tiền để đi làm ăn, hứa 07 ngày sẽ trả tiền lại cho bà B, nhưng chị C không thực hiện. Bà B đã nhiều lần yêu cầu chị Chi trả tiền nhưng chị C không chịu trả. Nay bà Võ Thị B1 Ba khởi kiện yêu cầu chị Trương Trần Lệ C phải có trách nhiệm trả cho bà Võ Thị B1 Ba số tiền vay 80.000.000 đồng (T mươi triệu đồng) và yêu cầu tính lãi suất 0,83%/tháng, tạm tính từ ngày 30/01/2022 (ương lịch) đến ngày xét xử là ngày 16/7/2025 (41 tháng 16 ngày x 0,83%/tháng x 80.000.000 đồng) số tiền lãi là 27.500.000 đồng; và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi bản án được thi hành. Ngoài ra, không trình bày hay yêu cầu gì thêm.

Đối với trình bày của chị C cho rằng đã trả cho bà B số tiền vốn và lãi là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) thì bà B xác định không có sự việc này.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn chị Trương Trần Lệ C, có ông Nguyễn Quốc T1 là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Chị C thừa nhận có vay (mượn) tiền của bà B số tiền 80.000.000 đồng nhưng không nhớ cụ thể ngày, tháng, năm nào. Đến ngày 14/01/2022, chị C đã trả cho bà B vốn và lãi tổng cộng số tiền là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) xong. Việc vay tiền và trả tiền giữa hai bên đều không lập biên nhận. Tuy nhiên, khi chị Chi trả tiền cho bà B thì có ông Trần Văn Đ1 (chồng bà B), chị Trần Thị Thu L (con bà B), anh Lưu Quốc L1 và bà Võ Thị H chứng kiến.

Đối với giấy biên nhận ghi ngày 20 tháng Chạp năm 2021 do nguyên đơn cung cấp, chị C khẳng định giấy biên nhận này không phải chữ ký và chữ viết của chị C, vì từ trước đến nay chị C chưa viết giấy biên nhận tiền hoặc bất kỳ giao dịch gì với bà B. Tại bản trình bày ý kiến ngày 06/11/2024, chị Trương Trần Lệ C có trình bày ý kiến là đề nghị Tòa án trung cầu giám định chữ viết và chữ ký của giấy biên nhận tiền ghi ngày 20 tháng Chạp năm 2021. Tuy nhiên, ông Nguyễn Quốc T1 đại diện theo ủy quyền của chị Trương Trần Lệ C xin rút lại đề

ng nghị này và xác định không yêu cầu Toà án trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết của giấy biên nhận tiền ghi ngày 20 tháng Chạp năm 2021; yêu cầu giải quyết vụ án theo quy định pháp luật. Chị C không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bé B.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 16-7-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp, đã tuyên xử:

“- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bé B.

- Buộc bà Trương Trần Lệ C có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị B1 Ba số tiền 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

** Về án phí:*

- Bà Trương Trần Lệ C phải chịu 5.375.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Võ Thị B1 Ba không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Do bà B thuộc trường hợp được miễn tạm ứng án phí và án phí (người cao tuổi).”

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền kháng cáo, thời hạn yêu cầu thi hành án theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 21/7/2025, bị đơn chị Trương Trần Lệ C kháng cáo, yêu cầu Toà án cấp phúc thẩm áp dụng Điều 108, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự: Giám định chữ ký trong biên nhận. Chấp nhận kháng cáo của chị C, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 16 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị B1 Ba về việc đòi chị Trương Trần L2 Chi trả số tiền vay và tiền lãi, vì không có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Võ Thị H, đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Trương Trần Lệ C giữ nguyên kháng cáo. Bị đơn yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký và chữ viết trong biên nhận ngày 20 tháng Chạp năm 2021.

Đại diện nguyên đơn bà Võ Thị Bé B là anh Huỳnh Thanh N vắng mặt, có văn bản trình bày quan điểm:

- Về tố tụng: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận tư cách tố tụng của bà Võ Thị H là đại diện theo ủy quyền của bị đơn Trương Trần Lệ C, do trong hồ sơ, bà Võ Thị H là người làm chứng cho chị C. Bà H vừa là người làm chứng, vừa đại diện theo ủy quyền cho bị đơn là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Tại Văn bản ý kiến ngày 06/11/2024, do chính chị C trình bày: “Khoảng cuối năm 2021 tôi có vay tiền của bà Võ Thị B1 Ba số tiền 80.000.000 đồng (T mươi triệu đồng...). Đây là chứng cứ không phải chứng

minh. Quá trình tố tụng, chị C yêu cầu trung cầu giám định chữ ký, chữ viết trong biên nhận, sau đó đã rút lại yêu cầu. Mặt khác, căn cứ sự thừa nhận của chị C như trình bày trên, việc trung cầu giám định chữ ký, chữ viết trong biên nhận là không cần thiết.

Việc chị C trình bày có trả vốn, lãi cho bà B số tiền 100.000.000 đồng là không có chứng cứ chứng minh. Lời khai của người làm chứng bà Võ Thị H, anh Lưu Quốc L1 không khách quan, vì anh L1 và chị C có quan hệ gia đình ruột thịt, sống chung nhà (chị em bạn dì), bà H có cạnh tranh với bà B1 Ba trong công việc bán bảo hiểm nhân thọ.

Do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị C.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến (Có bài phát biểu kèm theo):

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, thư ký phiên tòa cũng như các đương sự đều thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị không chấp nhận yêu cầu của chị C về việc trung cầu giám định chữ ký, chữ viết trong biên nhận do nguyên đơn cung cấp vì không cần thiết và mẫu so sánh chị C cung cấp tại Tòa là các văn bản chị C ký năm 2025, là không cùng thời điểm với thời gian ký, viết biên nhận (2021). Mặt khác, chị C cũng thừa nhận trước đây có vay tiền của bà B, cho rằng đã trả nhưng không có chứng cứ chứng minh việc đã trả nợ. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo của chị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét sự vắng mặt của nguyên đơn không ảnh hưởng đến việc xét xử, phù hợp quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

Về tư cách tham gia tố tụng của bà Võ Thị H, là đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Trương Trần Lệ C: Xét thấy, tại cấp sơ thẩm, bà Võ Thị H có văn bản trình bày và được Tòa án triệu tập lấy lời khai với tư cách người làm chứng cho bị đơn chị Trương Trần Lệ C. Trong vụ án này, bà H không có quyền và lợi ích đối kháng với chị C. Do đó, việc chị Chi ủy Q cho bà H tham gia tố tụng với tư cách là bị đơn là phù hợp quy định của pháp luật, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn chị Trương Trần Lệ C, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Chứng cứ khởi kiện của nguyên đơn: Biên nhận ghi ngày 20 tháng Chạp, năm 2011. Nội dung: “Ngày 20 tháng Chạp – TC 80.000.000; Tôi có mượn

80.000.000 của Mợ T; Trương Trần Lệ C có mượn Mợ Tư 80.000.000”, bên góc dưới của giấy biên nhận có ký tên C, họ tên Trương Trần Lệ C. Nguyên đơn trình bày: Chữ viết và chữ ký trong biên nhận là do chị C ghi. Riêng dòng chữ “Năm 2011” phía trên là do bà B nhờ người khác ghi (để nhớ). Tuy chị C không thừa nhận có ghi biên nhận nhưng có văn bản trình bày: Trước đây có vay tiền của bà B, không có làm giấy tờ, đã trả vốn và lãi số tiền 100.000.000 đồng cho bà B ngày 14/01/2022 xong, nhưng chị C cũng không có chứng cứ chứng minh bà B có nhận tiền của chị Chi T2 như trình bày của chị C.

[2.2] Chứng cứ của chị C cho rằng việc trả cho bà B vốn, lãi 100.000.000 đồng có người làm chứng là anh Lưu Quốc L1, bà Võ Thị H chứng kiến. Tuy nhiên, qua lời khai của anh Lưu Quốc L1, bà Võ Thị H, trình bày: Thấy chị C có đưa tiền cho bà B nhưng số tiền cụ thể bao nhiêu, nội dung giao nhận là tiền gì, trả ngày nào thì cả hai không biết. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Võ Thị H trình bày: “Ngày chị Chi trả tiền cho bà B là ngày 14/01/2022 (âm lịch), tại nhà bà B, bà H thấy chị C giao cho bà B 02 cọc tiền mệnh giá mỗi tờ tiền là 500.000 đồng, bà B nhận và đếm tiền. Bà H ngồi ở bàn gần đó nên thấy”. Tuy nhiên, lời khai này của bà H chỉ là một phía, không khách quan, không có giá trị chứng minh.

[2.3] Theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự: Nghĩa vụ chứng minh:

“1. Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp, ...

2. Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó.

3....

4. Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc.”

[2.4] Như vậy, theo quy định của pháp luật, tuy chị C không thừa nhận có ghi và ký biên nhận do nguyên đơn cung cấp, nhưng chị C thừa nhận có việc vay, mượn tiền đúng số tiền vốn nguyên đơn trình bày, thừa nhận có trả tiền vốn và lãi (ngày 14/01/2022), thời điểm trả tiền sau thời điểm biên nhận thể hiện (20 tháng Chạp năm 2011). Trình bày của chị C phù hợp trình bày và chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Chị C cho rằng đã trả nợ cho bà B nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho trình bày của mình. Do đó, cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[2.5] Xét yêu cầu trung cầu giám định chữ ký và chữ viết của bị đơn:

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, chị C nộp đơn yêu cầu trung cầu giám định chữ ký và chữ viết. Tòa án có hướng dẫn chị C cung cấp “Bảng mẫu chữ ký và chữ viết” theo nội dung biên nhận ngày 20 tháng Chạp năm 2021. Đồng thời,

tổng đạt Thông báo số 06/TB-TA ngày 27/02/2026, yêu cầu chị C cung cấp tài liệu, chứng cứ là mẫu chữ ký, chữ viết cùng và gần thời điểm của biên nhận (khoảng thời gian 2019-2023) để làm mẫu so sánh và nộp tạm ứng chi phí giám định. Thời hạn cung cấp là 10 ngày kể từ ngày nhận Thông báo. Tuy nhiên, chị C không nộp tài liệu, chứng cứ trong thời hạn thông báo. Do đó, ngày 16 tháng 3 năm 2026, Tòa án thông báo về việc mở lại phiên tòa phúc thẩm xét xử vụ án.

Tại phiên tòa, chị C cung cấp 04 văn bản có chữ ký của chị C ký trong năm 2025 (bản chính) để làm mẫu so sánh và yêu cầu tiến hành giám định. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy tài liệu chị C cung cấp không cùng và gần thời điểm với văn bản cần giám định. Mặt khác, Tòa án đã ấn định thời gian để đương sự nộp tài liệu, chứng cứ nhưng chị C đã không thực hiện. Việc yêu cầu giám định nhằm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[2.6] Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy: Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 16-7-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9- Đồng Tháp xét xử là có căn cứ. Chị C kháng cáo không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do không chấp nhận kháng cáo nên chị C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là phù hợp có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 308, Điều 91, Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự, Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Không chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn chị Trương Trần Lệ C.
- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2025/DS-ST ngày 16-7-2025 của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Đồng Tháp.

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 116, 275, 357, 429, 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Bé B.
2. Buộc chị Trương Trần Lệ C có nghĩa vụ trả cho bà Võ Thị B1 Ba số tiền 107.500.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu năm trăm nghìn đồng), trong đó vốn gốc là 80.000.000 đồng, lãi là 27.500.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trương Trần Lệ C phải chịu 5.375.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trương Trần Lệ C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm chị C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0001197 ngày 05 tháng 8 năm 2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, được khấu trừ vào án phí dân sự phúc thẩm phải nộp.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Tỉnh;
- Tòa án ND khu vực 9;
- Thi hành án dân sự Tỉnh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9;
- Phòng Giám đốc, Kiểm tra, Thanh tra &THA, Tòa án Tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án và VT, TK Xuân.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Kiều Kim Xuân